

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 15/9/2021

V/v: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2021/TLST - HNGĐ ngày 11/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 11/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 28/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị V, sinh năm 1984 (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn H, sinh năm 1981 (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường ĐKHKT Bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC, do ông Lê Xuân T – Giám đốc Phòng giao dịch huyện TC làm đại diện.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh SL. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cà Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H chung sống với nhau từ năm 2003. Chị V khai có đăng ký kết hôn. Chị cung cấp 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 03, ngày 23 tháng 6 năm 2003, do Ủy ban nhân dân xã CS (Nay là phường CS), thành phố SL, tỉnh SL cấp mang tên chồng Cà Ngọc H và vợ Lò Thị B.

Chung sống với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị Cà Thị V yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn H.

Về con chung: Chị V, anh H có 03 con chung: cháu Cà Thị N, sinh ngày 12/01/2002 (đã trưởng thành), cháu Cà Thị NG, sinh ngày 04/01/2006, cháu Cà Thị LC, sinh ngày 20/12/2016.

Chị Cà Thị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cà Thị NG; Giao cháu Cà Thị LC cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Cà Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V, anh H có tài sản chung gồm 01 (một) ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 50m², trị giá ngôi nhà là 60.000.000 đồng, địa chỉ tại bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL. Xây dựng trên nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ của anh H là ông Cà Văn HM và bà Cà Thị T để lại. Chị V, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị V nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch huyện TC, tỉnh SL theo số vay vốn mã khách hàng 705 4534787 tổng số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) với mục đích trả tiền làm nhà và mua bò để chăn nuôi. Đến ngày 07/11/2020 đã trả được số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số nợ còn lại phải trả là 30.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ chung chị V đề được chia đôi số nợ chung trên, đề nghị anh Cà Văn H có trách nhiệm trả 15.000.000đ và chị có trách nhiệm trả 15.000.000đ cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Về tài sản riêng: Không có.

Trong bản tự khai, tại phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Cà Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị V chung sống với nhau từ năm 2003. Anh H khai có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 03, ngày 23 tháng 6 năm 2003, do Ủy ban nhân dân xã CS (Nay là phường CS), thành phố SL, tỉnh SL cấp mang tên chồng Cà Ngọc H và vợ Lò Thị B.

Chung sống với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Anh Cà Văn H nhất trí ly hôn chị Cà Thị V.

Về con chung: Anh H, chị V có 03 con chung: cháu Cà Thị N, sinh ngày 12/01/2002 (đã trưởng thành), cháu Cà Thị NG, sinh ngày 04/01/2006, cháu Cà Thị LC, sinh ngày 20/12/2016.

Anh Cà Văn H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cà Thị LC và giao cháu Cà Thị NG cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị Cà Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V, anh H có 01 (một) ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 50m², trị giá ngôi nhà là 60.000.000 đồng, địa chỉ tại bản T, xã CN, huyện TC,

tỉnh SL. Xây dựng trên nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ của anh H là ông Cà Văn HM và bà Cà Thị T để lại. Anh H, chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Cà Văn H khai anh H và chị V vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch huyện TC, tỉnh SL theo sổ vay vốn mã khách hàng 705 4534787 tổng số tiền 45.000.000 đồng; ngày 07/11/2020 đã trả được số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số nợ còn lại phải trả là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Anh Cà Văn H đề được chia đôi số nợ chung : Chị Cà Thị V có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng, anh H có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

Về tài sản riêng: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC, do ông Lê Xuân T – Giám đốc Phòng giao dịch huyện TC làm đại diện có ý kiến:

Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H có vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC, tỉnh SL với mã khách hàng 705 4534787 với số tiền vay là 45.000.000 đồng. Đến ngày 07/11/2020 đã trả được số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số nợ còn lại phải trả là 30.000.000 đồng, tuy chưa đến thời điểm phải thanh toán số nợ nhưng để đảm bảo an toàn nguồn vốn tín dụng chính sách của Nhà nước đề nghị Tòa án xem xét giao anh H , chị V chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC tổng số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật , việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại các điều Điều 70; Điều 71; Điều 72 và Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận chị Cà Thị V và anh Cà Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Cà Thị NG, sinh ngày 04/01/2006 cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Cà Thị L C, sinh ngày 20/12/2016 cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H, chị V có tài sản chung gồm 01 (một) ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 50m², trị giá ngôi nhà là 60.000.000 đồng, địa chỉ tại bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL được xây dựng trên nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ của anh H là ông Cà Văn HM và bà Cà Thị T để lại. Anh H, chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị V còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC số tiền gốc 30.000.000 đồng. Buộc chị Cà Thị V và anh Cà Văn H mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 15.000.000đ và lãi phát sinh theo quy định cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC.

Về án phí: Các đương sự thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cà Thị V yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cà Văn H có địa chỉ tại Bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Cà Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh Cà Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H chung sống với nhau từ năm 2003. Chị V, anh H khai có đăng ký kết hôn. Anh, chị giao nộp chứng cứ một Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc) số 37, quyền số 03, ngày 23 tháng 6 năm 2003, do Ủy ban nhân dân xã CS (Nay là phường CS), thành phố SL, tỉnh SL cấp mang tên chồng Cà Ngọc H và vợ Lò Thị B.

Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2021 tại Ủy ban nhân dân phường CS (trước là xã CS), thành phố SL, tỉnh SL: Tại sổ đăng ký kết hôn năm 2003 của Ủy ban nhân dân phường CS không cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh Cà Ngọc H và chị Lò Thị B như Giấy chứng nhận kết hôn chị V, anh H cung cấp.

Tại sổ đăng ký kết hôn số 37, quyền số 03 năm 2003 ngày 07/10/2003, Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lò Văn H, sinh năm 1980 và chị Lò Thị S, sinh năm 1984.

Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H sống chung không thực hiện Việc kết hôn theo luật định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc chị V và anh H kết hôn không được đăng ký theo quy định, do đó không có giá trị pháp lý. Không công nhận chị Cà Thị V và anh Cà Văn H là vợ chồng.

Căn cứ Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H có 03 con chung. Con đầu cháu Cà Thị N, sinh ngày 12/01/2002 (đã trưởng thành), con thứ hai cháu Cà Thị NG, sinh ngày 04/01/2006, con thứ ba cháu Cà Thị LC, sinh ngày 20/12/2016.

Đối với cháu Cà Thị N đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có đủ khả năng lao động nên chị V và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H nhất trí thỏa thuận giao cháu Cà Thị LC, sinh ngày 20/12/2016 cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Cà Thị NG, sinh ngày 04/01/2006 cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/4/2021 tại Bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL; Biên bản ghi ý kiến; Biên bản lấy lời khai của đương sự. Chị V, anh H đều có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Cà Thị N G: Cháu NG có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Cần giao cháu Cà Thị NG cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Cà Thị L C cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H có tài sản chung gồm 01 (một) ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 50m², trị giá ngôi nhà là 60.000.000 đồng, địa chỉ tại bản T, xã CN, huyện TC, tỉnh SL được xây dựng trên nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ của anh H là ông Cà Văn HM và bà Cà Thị T tặng cho anh Cà Văn H và chị Cà Thị V năm 2006.

Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Anh Cà Văn H và chị Cà Thị V vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch huyện TC, tỉnh SL số tiền 45.000.000 đồng, mã khách hàng 705 4534787. Đến ngày 07/11/2020 đã trả được số tiền 15.000.000 đồng; Tổng số nợ còn lại phải trả là 30.000.000 đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC đề nghị chị Cà Thị V và anh Cà Văn H mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 15.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC.

Xét thấy việc chị V, anh H vay với mục đích để phát triển kinh tế gia đình. Bộc chị Cà Thị V và anh Cà Văn H mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là 15.000.000đ và lãi phát sinh theo quy định khi đến hạn trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TC.

Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Các đương sự thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân : Xử tuyên bố không công nhận chị Cà Thị V và anh Cà Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Cà Thị N, sinh ngày 12/01/2002 (đã trưởng thành).

Giao cháu Cà Thị N G, sinh ngày 04/01/2006 cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Cà Thị L C, sinh ngày 20/12/2016 cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Cà Thị V anh Cà Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Cà Thị V và anh Cà Văn H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch huyện TC, tỉnh SL mã khách hàng 705 4534787 số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định khi đến hạn trả nợ.

6. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị Cà Thị V; Trả lại chị Cà Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2019/0001757, ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Cà Văn H.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chị Cà Thị V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh SL – Phòng giao dịch huyện TC có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2021); Bị đơn anh Cà Văn H vắng mặt tại phiên toà được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND phường CS, thành phố SL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa